

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẠC: Đại học

KHOA: Hóa học

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ: Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO: Khoa học môi trường (4 năm)

Chuyên ngành: Quản lý môi trường

KHÓA 2015, 2016

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					
		Học phần bắt buộc					
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	2	2	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	3	3	0	212003 0	
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213001 0	
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213002 0	
5	312050 1	Tin học đại cương	2	1	1		
6	311026 2	Giải tích 3	2	2	0		
7	311125 2	Giải tích 5 và đại số	3	3	0		
8	311069 2	Xác suất thống kê	2	2	0		
9	313065 2	Vật lý đại cương 1	2	2	0		
10	313068 2	Vật lý đại cương 2	3	3	0	313065 2	
11	319071 2	Khoa học Trái Đất	2	2	0		
12	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
13	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412006 0	*
14	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
15	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
16	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
17	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
18	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
19	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		Tổng	33	32	1		
		Học phần tự chọn					
20	315056 2	Sinh học đại cương	2	2	0		
21	315251 2	Môi trường và con người	2	2	0		
22	316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0		
23	331001 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
		Tổng	8	8	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	41	40	1		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					
		Học phần bắt buộc					
24	314125 2	Tiếng Anh chuyên ngành (Hóa)	2	2	0	412005 0	
25	314163 3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	1	1	0		
26	314150 2	Hóa đại cương 1	2	2	0		
27	314032 2	Hóa đại cương 2	2	2	0	314150 2	
28	314111 2	Thực hành hóa đại cương	1	0	1	314032 2	
29	314059 2	Hóa vô cơ	3	3	0		
30	314117 2	Thực hành hóa vô cơ	1	0	1	314059 2	
31	314050 2	Hóa hữu cơ 1	3	3	0		
32	314051 2	Hóa hữu cơ 2	2	2	0	314050 2	
33	314112 2	Thực hành hóa hữu cơ	2	2	0	314051 2	
34	314084 2	Phân tích định tính	2	2	0		
35	314116 2	Thực hành phân tích định tính	1	0	1	314084 2	
36	314083 2	Phân tích định lượng	2	2	0		
37	314115 2	Thực hành phân tích định lượng	1	0	1	314083 2	
38	314079 2	Nhiệt động hoá học	3	3	0		
39	314024 2	Động hoá học	2	2	0		
40	314021 2	Điện hoá học	2	2	0		
41	314040 2	Hóa học các hợp chất phân tán	2	2	0		
42	314113 2	Thực hành hoá lí	2	0	2		
43	314082 2	Phân tích công cụ	2	2	0		
44	314118 2	Thực hành phân tích công cụ	1	0	1	314082 2	



TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
45	314153 2	Hóa học môi trường	3	3	0		
46	315006 2	Công nghệ môi trường	2	2	0		
47	314160 2	Phân tích môi trường	2	2	0		
48	314106 2	Thực hành phân tích môi trường	1	0	1	314160 2	
49	315335 2	Khoa học môi trường đại cương	3	3	0		
50	315260 2	Quản lý môi trường	2	2	0		
51	315262 2	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	2	2	0		
52	315250 2	Luật và chính sách môi trường	2	2	0		
53	319188 2	Kinh tế môi trường	2	2	0		
54	315233 2	Đánh giá tác động môi trường	2	2	0		
55	314166 2	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	2	0		
56	314080 3	Nước thải và xử lý nước thải	2	2	0		
57	314137 3	Xử lý khí thải và tiếng ồn	2	2	0		
58	314169 2	Sản xuất sạch hơn	2	2	0		
59	314146 2	Độc học môi trường	2	0	2		
60	314107 3	Suy thoái và bảo vệ đất	2	2	0		
61	314141 3	Thực tập nhận thức	1	0	1		
62	303003 2	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Tổng	76	62	14		
		Học phần tự chọn					
63	320021 1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	0		
64	319189 3	Quản lý đất đai	2	2	0		
65	314167 2	Quản lý dự án môi trường	2	2	0		
66	314101 3	Quản lý môi trường địa phương	2	2	0		
67	314054 2	Hóa lượng tử	3	3	0		
68	314131 2	Vật liệu hấp phụ và xử lý môi trường	2	2	0		
69	314053 3	Hóa keo và ứng dụng trong xử lý môi trường	2	2	0		
70	315083 3	Vì sinh vật môi trường	2	2	0		
71	315231 2	Cơ sở sinh thái học	2	2	0		
72	314175 2	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	2	2	0		
73	314140 2	Vẽ kỹ thuật	2	2	0		
74	314093 2	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học	3	3	0		
75	315268 2	Quản lý tổng hợp vùng bờ	2	2	0		
76	315240 2	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	2	2	0		
77	314099 3	Quản lý môi trường công – nông nghiệp	2	2	0		
78	314165 3	Quản lý biển đảo	2	2	0		
79	314011 3	Chuyên đề về thành phố môi trường	2	2	0		
80	314102 3	Quản lý tài nguyên nước	2	2	0		
81	314047 2	Hóa học phức chất	2	2	0		
82	314130 2	Tổng hợp hóa vô cơ	2	2	0	314059 2	
83	314066 3	Khóa luận tốt nghiệp	7	7	0		
		Tổng	48	48	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	124	110	14		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHOA	135				
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	109				
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu (chọn ra 26/56 tín chỉ)	26				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỞNG KHOA

(Chữ ký)
Vũ Thị Hải



HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LÊ QUANG SƠN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA: Hóa học

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ: Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO: Khoa học môi trường (4 năm)

Chuyên ngành: Quản lý môi trường

KHÓA 2015, 2016

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
	311026 2	Giải tích 3	2	2	0		
	311125 2	Giải tích 5 và đại số	3	3	0		
	319071 2	Khoa học Trái Đất	2	2	0		
	314150 2	Hóa đại cương 1	2	2	0		
	314032 2	Hóa đại cương 2	2	2	0		
	314111 2	Thực hành hóa đại cương	1	0	1	314032 2	
	313065 2	Vật lý đại cương 1	2	2	0		
	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			19	18	1		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212003 0	
	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412004 0	*
	312050 1	Tin học đại cương	2	1	1		
	313068 2	Vật lý đại cương 2	3	3	0	313065 2	
	315335 2	Khoa học môi trường đại cương	3	3	0		
	314059 2	Hóa vô cơ	3	3	0		
	314117 2	Thực hành hóa vô cơ	1	0	1	314059 2	
		Học phần tự chọn:					
	315056 2	Sinh học đại cương	2	2	0		
	315251 2	Môi trường và con người	2	2	0		
001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0		
002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	21	2		
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213001 0	
	314125 2	Tiếng Anh chuyên ngành (Hóa)	2	2	0	412007 0	
	311069 2	Xác suất thống kê	2	2	0		
	314050 2	Hóa hữu cơ 1	3	3	0		
	314079 2	Nhiệt động hoá học	3	3	0		
	314084 2	Phân tích định tính	2	2	0		
	314116 2	Thực hành phân tích định tính	1	0	1	314084 2	
		Học phần tự chọn:					
	315231 2	Cơ sở sinh thái học	2	2	0		
	314140 2	Vẽ kỹ thuật	2	2	0		
331001 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0			
316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0			
001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	22	1		
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213002 0	
	314051 2	Hóa hữu cơ 2	2	2	0	314050 2	
	314112 2	Thực hành hóa hữu cơ	2	2	0	314051 2	
	314083 2	Phân tích định lượng	2	2	0		
	314115 2	Thực hành phân tích định lượng	1	0	1	314083 2	
	314040 2	Hóa học các hợp chất phân tán	2	2	0		
	314163 3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	1	1	0		
		Học phần tự chọn:					
	320021 1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	0		
	315083 3	Vì sinh vật môi trường	2	2	0		
314093 2	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học	3	3	0			
319189 3	Quản lý đất đai	2	2	0			
001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			21	20	1		

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
5	314024 2	Động hoá học	2	2	0		
	314021 2	Điện hoá học	2	2	0		
	314113 2	Thực hành hoá lí	2	0	2		
	314153 2	Hóa học môi trường	3	3	0		
	314169 2	Sản xuất sạch hơn	2	2	0		
	314082 2	Phân tích công cụ	2	2	0		
	314118 2	Thực hành phân tích công cụ	1	0	1	314082 2	
		Học phần tự chọn:					
	314102 3	Quản lý tài nguyên nước	2	2	0		
	314054 2	Hóa lượng tử	3	3	0		
	314130 2	Tổng hợp hóa vô cơ	2	2	0	314059 2	
	314175 2	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	2	2	0		
	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	20	3		
6	314160 2	Phân tích môi trường	2	2	0		
	314106 2	Thực hành phân tích môi trường	1	0	1	314160 2	
	315006 2	Công nghệ môi trường	2	2	0		
	315260 2	Quản lý môi trường	2	2	0		
	315233 2	Đánh giá tác động môi trường	2	2	0		
	314146 2	Độc học môi trường	2	0	2		
	314141 3	Thực tập nhận thức	1	0	1		
		Học phần tự chọn:					
	315240 2	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	2	2	0		
	315268 2	Quản lý tổng hợp vùng bờ	2	2	0		
	314131 2	Vật liệu hấp phụ và xử lý môi trường	2	2	0		
	314167 2	Quản lý dự án môi trường	2	2	0		
	314053 3	Hóa keo và ứng dụng trong xử lý môi trường	2	2	0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	18	4		
7	314166 2	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	2	0		
	314080 3	Nước thải và xử lý nước thải	2	2	0		
	314137 3	Xử lý khí thải và tiếng ồn	2	2	0		
	315250 2	Luật và chính sách môi trường	2	2	0		
	319188 2	Kinh tế môi trường	2	2	0		
	314107 3	Suy thoái và bảo vệ đất	2	2	0		
	315262 2	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	2	2	0		
		Học phần tự chọn:					
	314165 3	Quản lý biển đảo	2	2	0		
	314101 3	Quản lý môi trường địa phương	2	2	0		
	314099 3	Quản lý môi trường công – nông nghiệp	2	2	0		
	314011 3	Chuyên đề về thành phố môi trường	2	2	0		
	314047 2	Hóa học phức chất	2	2	0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			24	24	0		
8	303003 2	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Học phần tự chọn:					
	314066 3	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			10	0	10		

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỜNG KHOA

(Chữ ký)
Lê Thị Hải



HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LÊ QUANG SƠN